

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 29/2018/HNGĐ-ST

Ngày 17 tháng 10 năm 2018

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tùng Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Văn Hạnh.
2. Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Yên - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ: Không tham gia phiên toà.

Ngày 17/10/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ xét xử sơ thẩm C khai vụ án thụ lý số 124/2018/TLST–HNGĐ ngày 03/7/2018 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị D (có mặt).

Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Anh Ngô Tấn C (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn S, xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI D VU ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/6/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lê Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Ngô Tấn C tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 01/12/2016 tại UBND xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình sống thời gian đầu thì hạnh phúc đến tháng 12/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh C thường xuyên rượu chè, gây sự chửi bới, không lo làm ăn, vì thế quan điểm sống và các vấn đề khác không đồng thuận dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn và vợ chồng tôi đã sống ly thân từ tháng 04/2018 cho đến nay. Nay tôi nhận thấy không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa, tôi yêu cầu Toà án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh C.

Về con chung: Quá trình chung sống chúng tôi có 01 con chung tên là Ngô Mai Th sinh ngày 31/10/2017, tôi có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi yêu cầu anh C phải cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000đ kể từ khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đến tuổi thành niên.

Về tài sản và công nợ chung: Tôi không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn anh Ngô Tấn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và cô D tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 01/12/2016 tại UBND xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Trong quá trình chung sống chúng tôi sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì, sau đó vợ tôi đưa con về ngoại chơi và không hiểu lý do gì vợ tôi làm đơn xin ly hôn. Nay Cô D yêu cầu được ly hôn thì tôi không đồng ý. Tuy nhiên trong cuộc sống gia đình đôi lúc có cãi vã, tôi có đánh vợ tôi 01 bạt tai, ngoài ra không có mâu thuẫn gì trầm trọng.

Về con chung: Tôi có nguyện vọng được nuôi con chung là cháu Ngô Mai Th sinh ngày 31/10/2017 và không yêu cầu cô D cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp Toà án cho ly hôn thì tôi đồng ý cấp dưỡng theo yêu cầu của cô D là mỗi tháng 1.500.000đ kể từ khi bản án, quyết định có hiệu lực cho đến khi con chung đến tuổi thành niên.

Về tài sản và công nợ chung: Tôi không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 05/9/2018 của Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ về tình trạng hôn nhân của chị D và anh C như sau: Chị Lê Thị D và anh Ngô Tấn C kết hôn vào năm 2016 tại UBND xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Trong quá trình chung sống thì chị D ít sinh sống tại địa phương và đến khi sinh con thì chị D bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống do hai vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn và hai bên gia đình cũng phát sinh mâu thuẫn và hiện nay hai vợ chồng đã sống ly thân nhau, tuy nhiên nguyên nhân cụ thể thì Hội phụ nữ không nắm được do chị D, anh C không yêu cầu hoà giải.

Tại phiên toà nguyên đơn chị Lê Thị D giữ nguyên yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu, xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về khởi kiện và thụ lý vụ án: Ngày 22/6/2018 chị Lê Thị D nộp đơn khởi kiện và Tòa án thụ lý việc khởi kiện của chị Lê Thị D là đúng trình tự thủ tục theo điều 191, điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về trình tự thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Ngô Tấn C vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh C là phù hợp với điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội D tranh chấp: Chị D và anh C tự nguyện đăng ký kết hôn ngày kết hôn với nhau ngày 01/12/2016 tại UBND xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị D, anh C sống hạnh phúc được thời gian đầu sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nên xảy ra cãi vã, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12/2017 cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Như vậy, hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Lê Thị D và anh Ngô Tấn C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho chị Lê Thị D được ly hôn với anh Ngô Tấn C là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[5] Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung là Ngô Mai Th, sinh ngày 31/10/2017, về con chung cả hai vợ chồng đều có nguyện vọng được nuôi con chung, tuy nhiên anh C trình bày trường hợp không được Tòa án chấp nhận thì đồng ý giao con cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000đ kể từ khi quyết định có hiệu lực cho đến khi con chung đến tuổi thành niên.

Về con chung HĐXX xét thấy do con chung còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi) nên cần giao con chung cho chị Lê Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến tuổi thành niên là phù hợp với khoản 3 điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng: Anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị D mỗi tháng 1.500.000đ kể từ khi bản án có hiệu lực cho đến khi con chung đến tuổi thành niên.

[6] Về tài sản và công nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, 147 điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 233 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; các điều 56; 58; 81; 82; 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a, khoản 5; điểm đ khoản 6 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị D. Chị Lê Thị D được ly hôn anh Ngô Tấn C.

Về con chung: Giao con chung Ngô Mai Th, sinh ngày 31/10/2017 cho Lê Thị D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Ngô Tấn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Lê Thị D mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) kể từ khi bản án có hiệu lực cho đến khi con chung đến tuổi thành niên.

Anh C được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở, vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản và C nợ chung: Chị D, anh C không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Thị D phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0005309 ngày 03/7/2018 tại cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Anh Ngô Tấn C phải chịu 300.000đ án phí DSST phần cấp dưỡng nuôi con chung.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- UBND xã C;
- Chi cục THA dân sự TX Buôn Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tùng Lâm

